TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 02-5-2019
"V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V,
TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Mỡn.**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Cơ Ba**.
Ông **Nguyễn Văn Móm Em.**
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: ông **Ngô Văn Điện** – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 482/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 về *"tranh chấp hôn nhân gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị **Đào Thị Thanh X** - sinh năm: 1987; (có mặt)
Địa chỉ: ấp Long Th, xã Long Ph, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long
- *Bị đơn:* anh **Nguyễn Văn H** - sinh năm: 1988; (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Thanh L, xã Thanh B, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 11/10/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đào Thị Thanh X trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Do quen biết, tự nguyện tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình chị X và anh H đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào ngày 24/7/2017 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới chị X về sống bên chồng và được cha mẹ chồng cất nhà ra sống riêng tự lập tại ấp Tân Bình, xã Thanh Bình, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chị sống hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 06/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H lo ăn chơi, không lo làm ăn. Chị X đã có nhiều lần khuyên can nhưng anh H không thay đổi mà còn có thái độ đối xử hành hung chị X, cha mẹ hai bên có khuyên can nhưng anh vẫn không sửa đổi mà còn có nhiều lời lẻ bất kính với cha mẹ chị X. Chị X không thể chịu nổi nên đã về nhà mẹ ruột sống tại ấp

Long Thuận, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị X và anh H đã không còn sống chung từ đầu tháng 10/2018 đến nay.

Nay chị X nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và hàn gắn được, mâu thuẫn vợ chồng quá nhiều không thể cải thiện. Nên chị X yêu cầu được ly hôn với chồng là anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: chị X không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: chị X không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bảng khai ý kiến ngày 23/10/2018 và các lời khai khác trong hồ sơ vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Năm 2014, anh H và chị X do quen biết, tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau một thời gian khoảng 03 năm thì được sự đồng ý của hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới vào tháng 7/2017 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới vợ chồng sống riêng tự lập tại ấp Tân Bình, xã Thanh Bình, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình anh H nóng nảy có hay chửi chị X, vợ chồng có thường cự cải và đánh nhau. Chị X đã bỏ về nhà mẹ ruột sống, vợ chồng không còn sống chung từ ngày 08/10/2018 đến nay. Anh H có đến tìm chị X để khuyên chị về hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không gặp được chị X. Gia đình chị X ngăn cản không cho anh H gặp chị X và gọi công an đến bắt anh H. Khoảng thời gian chị X bỏ về nhà mẹ ruột, anh H có đến tìm nhiều lần nhưng không gặp chị X, anh H không biết chị X sống ở đâu, theo anh H thì chị X không sống bên mẹ ruột của chị X.

Nay chị X yêu cầu ly hôn thì anh H không đồng ý. Anh H còn thương vợ, muốn đoàn tụ với vợ. Giải pháp đoàn tụ là anh H mong chị X rút đơn khởi kiện để cho anh một cơ hội và cho anh thêm thời gian sửa đổi để vợ chồng về đoàn tụ với nhau, xây dựng gia đình hạnh phúc.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: để vợ chồng tự thỏa thuận, anh H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: để vợ chồng tự thỏa thuận, anh H không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của tòa án nhưng trước khi khai mạc phiên tòa anh H tự ý bỏ về mà không có lý do. Nên đề

nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị X và anh H là vợ chồng.

- Về con chung: chị X và anh H thống nhất xác định không có con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng: chị X và anh H thống nhất không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị X và anh H thống nhất không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị X phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Anh H không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa đương sự không cung cấp thêm chứng cứ gì khác, vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Văn H có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập của tòa án nhưng trước khi khai mạc phiên tòa anh H tự ý bỏ về mà không có lý do. Theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nhận thấy việc vắng mặt anh H không gây cản trở cho việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Chị X và anh H chung sống với nhau như vợ cH từ tháng ngày 24/7/2017 đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H không lo làm ăn, chỉ lo ăn chơi dù chị X có nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh H không thay đổi, có lần anh H đánh chị X, chị X đã về nhà mẹ ruột sống từ tháng 10/2018 đến nay. Tuy hôn nhân giữa chị X và anh H được hai bên gia đình chấp thuận và có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương nhưng chị X và anh H không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên không công nhận chị X và anh H là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời trình bày của anh H thì mâu thuẫn giữa vợ chồng anh là do tính tình anh H nóng nảy cọc cằn, hay chửi bới chị X, vợ chồng có cự cải và đánh nhau. Anh H không đồng ý ly hôn với chị X và có nguyện vọng xin đoàn tụ với chị X. Giải pháp đoàn tụ là anh H cố gắng sửa đổi bản thân, không ăn chơi để cùng chị X xây dựng gia đình.

Chị X không chấp nhận giải pháp xin đoàn tụ của anh H, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể hàn gắn được.

Về con chung của vợ chồng: chị X và anh H thống nhất xác định không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung của vợ chồng: chị X và anh H nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: chị X và anh H thống nhất xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc chị X phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015); điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận chị Đào Thị Thanh X và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng

- **Về con chung**: chị Đào Thị Thanh X và anh Nguyễn Văn H thống nhất xác định không có con chung, miễn xét.

- **Về tài sản chung**: chị Đào Thị Thanh X và anh Nguyễn Văn H thống nhất xác định không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- **Về nợ chung phải thu, phải trả** chị Đào Thị Thanh X và anh Nguyễn Văn H thống nhất xác định không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

*** Án phí dân sự sơ thẩm**:

Buộc chị Đào Thị Thanh X phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số Nº 0009317, ngày 11/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Chị Đào Thị Thanh X không phải nộp thêm.

Anh Nguyễn Văn H không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét phúc thẩm lại./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện V;*
- *THADS huyện V;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Nguyễn Thị Kim Mỡn